

BÁO CÁO

TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

Ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026- 2035;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo

dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Thực hiện quy định tại điểm a Khoản 4, Điều 13 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Căn cứ các quy định tại Quyết định này và điều kiện thực tế của địa phương, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 tại địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”; Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4379/UBND-NC ngày 15/5/2026 về việc triển khai ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về danh mục nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh quy định nội dung giao tại các Nghị định của Chính phủ và Công văn số 7056/UBND-KGVX ngày 19/7/2026 về việc triển khai Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 15/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Sở Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để lấy ý kiến tham gia góp ý của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu; các đơn vị trực thuộc Sở¹. Đồng thời, dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <https://quangngai.gov.vn/gop-y-du-thao> và website của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi.

1. Tổng số ý kiến nhận được

Đến thời điểm báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của 60 cơ quan, đơn vị (12 sở, ban, ngành; 32 UBND xã/phường/đặc khu; 16 đơn vị trực thuộc Sở). Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

2. Các ý kiến góp ý cụ thể

Trong 60 văn bản góp ý, có 57 đơn vị hoàn toàn thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, có 03 đơn vị cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết và có tham gia góp ý thêm, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tổng hợp, tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình như sau:

¹ Công văn số 3583/SGDĐT-TC ngày 24/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa của Sở GDĐT
1	Sở Y tế tại Công văn số 4180/SYT-KHTC ngày 27/7/2026	Thông nhất	
2	Sở Công thương tại Công văn số 4676/SCT-VP ngày 27/7/2026	Thông nhất	
3	Công an tỉnh tại Công văn số 5528/CAT-ANCT ngày 30/7/2026	Thông nhất	
4	Sở Nội vụ tại Công văn số 3468/SNV-CCVC ngày 30/7/2026	Thông nhất	
5	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tại Công văn số 1403-CV/BTGDVTU ngày 03/8/2026	Thông nhất	
6	Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi tại Công văn số 603-CV/BPTTH ngày 03/8/2026	Thông nhất	
7	Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 9149/SNNMT-PTNT ngày 06/8/2026	Thông nhất	
8	Sở Tài chính tại Công văn số 6873/STC-QLN ngày 06/8/2026	1. Về đối tượng áp dụng: Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo: “a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt ... Chương trình”. Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát	1. Các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng công lập hiện có trên địa bàn tỉnh không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết, bởi vì, việc phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương cho đối tượng này đã quy định cụ thể tại Điều 5, Điều 6 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, tại Điều 12

	các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng công lập hiện có trên địa bàn tỉnh có thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết không để thể hiện rõ trong dự thảo. 2. Về nguyên tắc phân bổ vốn tại Điều 2 dự thảo: - Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định: <i>“Dành tối đa không quá 20% tổng các nguồn vốn đầu tư... để đầu tư cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo”</i>. Tuy nhiên, tại Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg không quy định tỷ lệ % như dự thảo nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý việc dành tối đa không quá 20% tổng các nguồn vốn đầu tư như dự thảo đã trình bày nêu trên, để đảm bảo tính pháp lý xác định mức tỷ lệ % (20%) như dự thảo. - Tại khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại như sau: <i>“Bảo đảm bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương tối thiểu quy định tại Điều 7 Quy định này; tiếp tục cân đối ngân sách địa phương, bố trí thêm nguồn lực từ tăng</i>	Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng như sau: <i>“Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng bố trí vốn đối ứng từ nguồn thu hợp pháp theo quy định và tùy theo điều kiện của từng cơ sở giáo dục để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, dự án được giao”</i>, không phải bố trí vốn đối ứng từ NSNN nên không thuộc đối tượng cần quy định tại Nghị quyết này. 2. Về nguyên tắc phân bổ vốn tại Điều 2 dự thảo: - Để đảm bảo việc phân bổ ngân sách thực hiện Chương trình cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi, HĐND tỉnh cần quy định tỷ lệ bố trí nguồn vốn đầu tư, đảm bảo cân đối, hài hòa trên địa bàn tỉnh, do vậy, Sở GDĐT tham mưu dành tối đa không quá 20% tổng các nguồn vốn đầu tư cho giáo dục mầm non, phổ thông công lập thực hiện Chương trình để đầu tư cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị quyết theo góp ý
--	--	--

	<i>thu, tiết kiệm chi hàng năm (nếu có) và các nguồn vốn khác để ưu tiên bổ sung vốn cho Chương trình, bảo đảm đủ nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của ngành giáo dục; có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.”</i> 3. Về hệ số phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách (M_j) Tại điểm c khoản 1 Điều 3 và điểm c khoản 1 Điều 4 dự thảo, quy định “<i>Đối với cấp xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách cấp xã từ 60% đến dưới 80%: hệ số $M_j=1,2$</i>”; tuy nhiên tại điểm c khoản 1 Điều 4 và điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định: “<i>các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 60% đến dưới 80%: hệ số $M_j=1,1$</i>”. Theo đó, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung cơ sở của việc xác định đề xuất hệ số $M_j=1,2$, thuyết minh, đánh giá tác động cụ thể về lý do điều chỉnh hệ số M_j tại mức 60% đến dưới 80% từ 1,1 lên 1,2 (số lượng, tỷ trọng cấp xã thuộc nhóm này trên địa bàn tỉnh; mức độ ảnh hưởng đến tổng nguồn vốn phân bổ cho	3. Về hệ số phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách (M_j) Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa hệ số M_j tại điểm c khoản 1 Điều 3 và điểm c khoản 1 Điều 4 dự thảo như sau: “<i>Đối với cấp xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách cấp xã từ 60% đến dưới 80%: hệ số $M_j=1,1$</i>” để đảm bảo phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 4 và điểm c khoản 1 Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg
--	--	--

	<i>các nhóm còn lại).</i> 4. Về định mức phân bổ ngân sách trung ương Hiện nay, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2026 – 2030 (Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026). Bên cạnh đó, việc điều chỉnh phương án phân bổ trong nội bộ Chương trình đã quy định tại Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026. Do đó, đề nghị, cơ quan soạn thảo rà soát, không biên tập nội dung tại khoản 3, 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết. 5. Về nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Căn cứ khoản 3 Điều 10 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ, quy định: “3. <i>Địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác trong kế hoạch đầu tư</i>	4. Thống nhất tiếp thu, không biên tập nội dung tại khoản 3, 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết theo góp ý của Sở Tài chính 5. Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên nội dung quy định tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung của ngân sách địa phương là 38,73% so với tổng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh thực hiện Chương trình trong giai đoạn trung hạn hoặc hằng năm, lý do: Tại khoản 4 Điều 11 Quyết định 36/2026/QĐ-TTg quy
--	---	---

	<i>công trung hạn và hằng năm để thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 11 của Quyết định này.”</i> Tại khoản 1 Điều 11 đã quy định cụ thể phương pháp, cách xác định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung theo quy định, không quy định cụ thể tỷ lệ 38,73% như dự thảo Nghị quyết. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cách tính tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương phải bố trí thực hiện Chương trình, không đưa cụ thể tỷ lệ đối ứng (38,73%) vào dự thảo. Với các nội dung nêu trên, Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo biên tập lại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của dự thảo Nghị quyết như sau: <i>“1. Tổng vốn ngân sách địa phương bố trí đối ứng thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học,</i>	<i>định “4. Căn cứ xác định số liệu: Danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026 và áp dụng ổn định cho cả giai đoạn 2026 - 2030.”. Đồng thời, tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội thì Quảng Ngãi có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 10,57% và tỷ lệ phần trăm (%) vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung cho toàn Chương trình theo cơ cấu nguồn vốn quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội là 25,82%. Do vậy, theo quy định tại Điều 11 Quyết định 36/2026/QĐ-TTg thì Quảng Ngãi có tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung là 38,73%. Mặt khác, để thuận tiện cho các xã, phường, đặc khu tính toán tỷ lệ bố trí vốn đối ứng của địa phương mà không phải áp dụng</i>
--	---	---

	trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030. 2. Xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm bố trí từ ngân sách cấp xã giai đoạn 05 năm, cân đối từ ngân sách cấp xã hằng năm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này. Trong đó:”. Theo đó, tại điểm a khoản 2 đề nghị không đưa cụ thể tỷ lệ (38,73%) vào công thức tính tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã, tỷ lệ này được xác định: “tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.” Tại điểm c khoản 2 Điều 7 đề nghị biên tập lại như sau: “Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm bố trí phần vốn đối ứng còn lại sau khi xác định khả năng bố trí của ngân sách cấp xã, bảo đảm tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương không thấp hơn mức xác định tại khoản 1 Điều này.” 5. Về tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư công ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của các cơ sở	công thức tính toán dẫn đến dễ sai sót. - Thống nhất tiếp thu, điều chỉnh sửa điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết theo góp ý của Sở Tài chính - Sở GDĐT giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết. Lý do: Đây là Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
--	---	--

	giáo dục đại học và trường cao đẳng công lập: Theo quy định tại các Điều: 5, 6, 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg có quy định về tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư công và tỷ lệ vốn đối ứng của các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng công lập: Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các cơ sở giáo dục đại học công lập, các trường cao đẳng công lập hiện có trên địa bàn tỉnh có thuộc đối tượng được lựa chọn để ưu tiên đầu tư theo quy định; trường hợp nếu có thì đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, bám sát tiêu chí, hệ số phân bổ vốn, tỷ lệ vốn đối ứng của các trường cao đẳng tại Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, các mục tiêu, nhiệm vụ của từng nội dung thành phần quy định tại Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo² và các văn bản hướng dẫn có liên quan nghiên cứu, bổ sung quy định về tiêu chí, hệ số phân bổ vốn, tỷ lệ vốn đối ứng của các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng. Trường hợp trên địa bàn tỉnh chưa phát sinh đối tượng áp dụng hoặc chưa có nhu cầu bố trí vốn đối với nội dung này trong	và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình, trong khi đó, các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng công lập đã được quy định cụ thể về nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Trung ương tại các Điều: 5, 6, 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, do vậy, Sở GDĐT không có cơ sở để tham mưu lại các nội dung Trung ương đã quy định; đồng thời, Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng bố trí vốn đối ứng từ nguồn thu hợp pháp theo quy định và tùy theo điều kiện của từng cơ sở giáo dục để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, dự án được giao theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. Do vậy, Sở GDĐT không có cơ sở để tham mưu theo đề nghị của Sở Tài chính.
--	---	--

² Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

		giai đoạn 2026-2030 thì đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng dẫn chiếu Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg để bảo đảm thống nhất với quy định của Trung ương. Đề nghị cơ quan soạn thảo không biên tập Điều 8 về tổ chức thực hiện, kiểm tra và xử lý số liệu, lý do: Đây là các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.	- Thống nhất loại bỏ Điều 8 ra khỏi dự thảo Nghị quyết theo góp ý của Sở Tài chính.
9	Sở Ngoại vụ tại Công văn số 1760/SNgV-HCTH ngày 06/8/2026	Thống nhất	
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 1663/SDTTG-DT ngày 05/8/2026	Thống nhất	
11	Thanh tra tỉnh tại Công văn số 2426/TTR-NV5 ngày 06/8/2026	Thống nhất	
12	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tại Tờ trình số 3341/BQL-KHTH ngày 28/7/2026	1. Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/06/2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành	Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa.

	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ vào dự thảo Nghị quyết. Vì đây là căn cứ pháp lý để áp dụng ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2. Đối với các căn cứ pháp lý là văn bản quy phạm pháp luật (<i>được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc Hội</i>): đề nghị không trình bày ngày, tháng, năm ban hành để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 phần III Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 178/2025/NĐ-CP “d) <i>Đối với nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao...Khi trình bày tên văn bản quy phạm pháp luật trong phần căn cứ phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, tên cơ quan ban hành và tên gọi của văn</i>	
--	--	--

		<i>bản</i> ”. 3. Đối với căn cứ pháp lý là Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT: đề nghị bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” vào trước cụm từ “Bộ Giáo dục và Đào tạo”. Vì Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	
13	UBND xã Sơn Tịnh tại Công văn số 1733/UBND-VX ngày 27/7/2026	Thông nhất	
14	UBND xã Sơn Tây Hạ tại Công văn số 1131/UBND ngày 27/7/2026	Thông nhất	
15	UBND xã Đăk Ui tại Công văn số 1630/UBND-VHXXH ngày 27/7/2026	Thông nhất	
16	UBND xã Đăk Tờ Kan tại Công văn số 1678/UBND-VHXXH ngày 28/7/2026	Thông nhất	
17	UBND xã Nguyễn Nghiêm tại Công văn số 1441/UBND ngày 27/7/2026	Thông nhất	
18	UBND xã Phước Giang tại Công văn số 1614/UBND ngày 28/7/2026	Thông nhất	
19	UBND xã Đặng Thùy Trâm tại Công văn số 868/UBND-VHXXH ngày 28/7/2026	Thông nhất	
20	UBND xã Ba Gia tại Công văn số 1338/UBND	Thông nhất	

	ngày 28/7/2026		
21	UBND xã Dục Nông tại Công văn số 1534/UBND-VHXX ngày 31/7/2026	Thông nhất	
22	UBND xã Vệ Giang tại Công văn số 1291/UBND-VHXX ngày 31/7/2026	Thông nhất	
23	UBND xã Ngọc Bay tại Công văn số 1754/UBND-VX ngày 02/8/2026	Thông nhất	
24	UBND xã Đăk Hà tại Công văn số 3525/UBND-VHXX ngày 31/7/2026	Thông nhất	
25	UBND xã Ba Dinh tại Công văn số 1533/UBND-VHXX ngày 03/8/2026	Thông nhất	
26	UBND Phường Đức Phở tại Công văn số 1404/UBND-VHXX ngày 31/7/2026	Thông nhất	
27	UBND xã Ba Vinh tại Công văn số 758/UBND- VHXX ngày 04/8/2026	Thông nhất	
28	UBND xã Ia Đal tại Công văn số 1105/UBND ngày 04/8/2026	Thông nhất	
29	UBND xã Đăk Sao tại Công văn số 1943/UBND-VHXX ngày 04/8/2026	Thông nhất	
30	UBND đặc khu Lý Sơn tại Công văn số 3969/UBND ngày 03/8/2026	Thông nhất	
31	UBND xã Thọ Phong tại Báo cáo số 325/BC-	Thông nhất	

	UBND ngày 03/8/2026		
32	UBND xã Rờ Koi tại Công văn số 1276/UBND-TH ngày 03/8/2026	Thông nhất	
33	UBND phường Đắk Cấm tại Công văn số 2191/UBND-VX ngày 09/8/2026	Cơ bản thông nhất Ý kiến góp ý: - Tại Khoản 3, Điều 3 và Khoản 3, Điều 4 của Quy định kèm dự thảo Nghị quyết nêu về căn cứ xác định số liệu "<i>Danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các cấp xã tại Biểu mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</i>", đề nghị biên tập lại như sau "<i>"Danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các cấp xã theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi"</i>". Lý do: Nghị quyết áp dụng cho cả giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I áp dụng từ năm 2026 đến 2030, do đó căn cứ lấy tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hằng năm là phù hợp.	Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc phân bổ ngân sách trung ương như sau: "<i>Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã được Quốc hội thông qua, ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình trong cả giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc sau:...</i>". Do vậy, địa phương cũng căn cứ dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm căn cứ xác định số liệu cho giai đoạn 2026-2030 như quy định của trung ương.

		- Hệ số điều chỉnh tỷ lệ đối ứng theo khả năng tự cân đối ngân sách cấp xã (<i>xã có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách cấp xã dưới 40%</i>) khá cao sẽ gây áp lực cho ngân sách xã, để có tính khả thi đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng của ngân sách xã, đề nghị xem xét giảm tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp xã phù hợp.	- Sở Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên như dự thảo. Lý do: đảm bảo thống nhất với quy định của Trung ương như góp ý của Sở Tài chính
34	UBND xã Sa Thầy tại Công văn số 1632/UBND-VHXXH ngày 30/7/2026	Thống nhất	
35	UBND xã Đăk Môn tại Công văn số 1293/UBND-VHXXH ngày 07/8/2026	Thống nhất	
36	UBND xã Nghĩa Giang tại Công văn số 1740/UBND-VHXXH ngày 07/8/2026	Thống nhất	
37	UBND xã Sơn Hạ tại Công văn số 2031/UBND-KT ngày 07/8/2026	Thống nhất	
38	UBND xã Tịnh Khê tại Công văn số 1863/UBND ngày 07/8/2026	Thống nhất	
39	UBND phường Nghĩa Lộ tại Công văn số 2275/UBND-KT ngày 06/8/2026	Thống nhất	
40	UBND xã Bờ Y tại Công văn số 2916/UBND-VHXXH ngày 06/8/2026	Thống nhất	
41	UBND xã Sa Bình tại Công văn số 934/UBND-	Thống nhất	

	GD ngày 06/8/2026		
42	UBND xã Lân Phong tại Công văn số 1360/UBND-VX ngày 06/8/2026	Thông nhất	
43	UBND xã Bình Chương tại Công văn số 1097/UBND ngày 05/8/2026	Thông nhất	
44	UBND xã Đăk Rve tại Công văn số 2113/UBND-VHXXH ngày 06/8/2026	Thông nhất	
45	Trường THPT Phan Đình Phùng tại Công văn số 50/THPTPDP ngày 27/7/2026	Thông nhất	
46	Trường THPT Trần Quang Diệu tại Công văn số 61/CV-TQD ngày 27/7/2026	Thông nhất	
47	Trường PTDTNT THPT Đăk Hà tại Công văn số 75/CV-DTNTĐH ngày 27/7/2026	Thông nhất	
48	Trường THPT chuyên Lê Khiết tại Văn bản số 322/BC-LK ngày 27/7/2026	Thông nhất	
49	Trường THPT Lương Thế Vinh tại Văn bản số 130/BC-LTV ngày 28/7/2026	Thông nhất	
50	Trường THPT số 2 Mộ Đức tại Công văn số 179/CV-MĐ2 ngày 28/7/2026	Thông nhất	
51	Trường THPT Nguyễn Công Trứ tại Công văn số 166/CV-NCT ngày 28/7/2026	Thông nhất	

52	Trường THPT Nguyễn Trãi tại Văn bản số 87/BC-THPTNT ngày 29/7/2026	Thông nhất	
53	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum tại Công văn số 21/LVKT ngày 03/7/2026	Thông nhất	
54	Trường PTDTNT THPT Đăk Glei tại Công văn số 87/CV-NT ngày 02/8/2026	Thông nhất	
55	Trường PTDTNT THPT Đăk Tô tại Công văn số 720/NTĐT ngày 01/8/2026	Thông nhất	
56	Trường Tiểu học THSP Nguy Như Kon Tum tại Công văn số 65/CV- THSPNNKT ngày 04/8/2026	Thông nhất	
57	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành tại Báo cáo số 159/BC-NH1 ngày 06/8/2026	Thông nhất	
58	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn tại Công văn số 41/TTBS ngày 07/8/2026	Thông nhất	
59	Trường THCS THSP Lý Tự Trọng tại Báo cáo số 87/BC-LTT ngày 08/8/2026	Thông nhất	
60	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Mộ Đức tại Công văn số 114/TTKVMD ngày 06/8/2026	Thông nhất	

(Có văn bản góp ý kèm theo)

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TC(ltt).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thái